

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 02/2019/DSST

Ngày 28-5-2019

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài
sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệp và ông Võ Văn Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị.

Ngày 28 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2019/TLST- DS ngày 22 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn D, sinh năm 1985; nơi cư trú: Đội 1, thôn Phú Hưng, xã Hải Phú, huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Ngh; đơn vị công tác và nơi cư trú: Trung đoàn 842, Tiểu khu 3, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn D trình bày: Do quen biết với nhau nên ngày 30/6/2017, ông D có cho ông Nguyễn Văn Ngh vay số tiền 50.000.000 đồng, hai bên có viết giấy mượn tiền và hẹn đến ngày 30/7/2017 ông Ngh sẽ trả đủ cho ông D. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ, ông D đã nhiều lần đến gặp ông Ngh yêu cầu trả số tiền vay nói trên nhưng ông Ngh chỉ hứa hẹn chứ không thực hiện việc trả nợ. Tháng 7/2018, ông D đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xem xét giải quyết buộc ông Ngh phải trả cho ông D số tiền vay là 50.000.000 đồng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Ngh hứa sẽ trả số tiền trên cho ông D nên ông D đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ số 07/2018/QĐST-DS ngày 13/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong. Tuy nhiên, từ đó tới nay, ông Ngh vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông D.

Vì vậy, ông D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong xem xét giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Ngh phải trả cho ông Nguyễn D số tiền nợ gốc là

50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng chẵn*). Ông Dũng không yêu cầu tính tiền lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 16/4/2019, bị đơn ông Nguyễn Văn Ngh trình bày: Ông Ngh thừa nhận vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, ông Ngh có vay ông Nguyễn D số tiền là 50.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình. Tháng 7/2018, ông D đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong xem xét giải quyết buộc ông Ngh phải trả cho ông D số tiền là 50.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án, ông Ngh đã trả nợ cho ông D số tiền là 9.000.000 đồng nên hiện tại ông Ngh còn nợ ông D số tiền là 41.000.000 đồng. Từ tháng 10/2018 đến nay, do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Ngh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông D như đã hứa. Ông Ngh đồng ý trả nợ cho ông D với số tiền là 41.000.000 đồng và có nguyện vọng được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xem xét yêu cầu của ông Nguyễn D đối với khoản tiền gốc: Căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 30/6/2017 do ông D cung cấp để khởi kiện ông Nguyễn Văn Ngh, đây là giấy tờ được các bên viết tay thể hiện nội dung vay tiền giữa ông D với ông Ngh. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngh thừa nhận giấy mượn tiền trên do ông Ngh viết nhằm mục đích vay số tiền là 50.000.000 đồng để giải quyết việc gia đình nên quan hệ dân sự giữa ông Nguyễn D và ông Nguyễn Văn Ngh được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Xem xét nội dung giấy mượn tiền đề ngày 30/6/2017 thể hiện ông Ngh có vay của ông D số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 30/7/2017 sẽ trả đủ nên phù hợp với giấy vay tiền.

Mặc dù trong đơn khởi kiện ngày 28/02/2019, ông Nguyễn D đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Ngh phải trả cho ông Nguyễn D số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi nhưng tại văn bản ngày 10/4/2019, ông D có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung xin rút số tiền là 9.000.000 đồng trong tổng số 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 30/6/2017 mà ông D đã khởi kiện ông Ngh tại Tòa án vì từ tháng 7/2018 đến tháng 9/2018, ông Ngh đã trả nợ cho ông D số tiền gốc là 9.000.000 đồng nên hiện tại ông Ngh chỉ còn nợ ông D số tiền gốc là 41.000.000 đồng. Trong đơn khởi kiện bổ sung, ông D yêu cầu ông Ngh phải trả cho ông D số tiền nợ gốc là 41.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với phần trình bày của ông Ngh nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngày 27/5/2019, ông Ngh có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ngh đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ ông D là 41.000.000 đồng và có nguyện vọng được trả dần số tiền nợ trên theo phương thức mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Tại phiên tòa, ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông Ngh phải trả đủ một lần cho ông D số tiền còn nợ là 41.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Vì vậy, căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 30/6/2017 giữa ông D với ông Ngh có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn D.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn D. Buộc ông Nguyễn Văn Ngh phải trả cho ông Nguyễn D số tiền gốc là 41.000.000 đồng.

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự với mức thu là (5% của giá trị tranh chấp) 2.050.000 đồng.

Ông Nguyễn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn D. Buộc ông Nguyễn Văn Ngh phải trả cho ông Nguyễn D số tiền gốc là 41.000.000 đồng (*Bốn mươi một triệu đồng chẵn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc ông Nguyễn Văn Ngh phải chịu 2.050.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004420 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- THADS huyện Triệu Phong;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Lan Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

